

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG Ý YÊN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG Ý YÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 5400474934

3. Ngày thành lập: 21/06/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 109, tiểu khu 6, Thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

Điện thoại: 0997.205999

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
2.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà ăn và nhà vệ sinh. - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại. - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt ... - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít. - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ. - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự. - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện. - Sản xuất các chi tiết làm từ dây: dây gai, dây rào dậu, vĩ, lưới, vải ... - Sản xuất đinh hoặc ghim. - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự. - Sản xuất các sản phẩm đinh vít. - Sản xuất bu lông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự. - Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như: Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá lò xo. - Sản xuất xích (trừ xích dẫn năng lượng). - Sản xuất các chi tiết kim loại.	2599
3.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp: Máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp, xây dựng, khai khoáng.	2819

4.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
5.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
6.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
7.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
8.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
9.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
10.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
11.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
12.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
13.	Đúc sắt, thép	2431
14.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
15.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
16.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
17.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
18.	Khai thác và thu gom than non	0520
19.	Khai thác quặng sắt	0710
20.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
21.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
22.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
23.	Sản xuất giày dép	1520
24.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
25.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
26.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
27.	In ấn	1811
28.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
29.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
31.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
32.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
33.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662(Chính)
34.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
35.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
36.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
37.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
38.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

39.	Lập trình máy vi tính	6201
40.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
41.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
42.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
43.	Cổng thông tin	6312
44.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
45.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
46.	Thu gom rác thải độc hại	3812
47.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
48.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
49.	Tái chế phế liệu	3830
50.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
51.	Xây dựng nhà các loại	4100
52.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
53.	Xây dựng công trình công ích	4220
54.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Công trình công nghiệp. - Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy bến cảng, các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống ..., xây dựng đê, đập. - Xây dựng đường hầm. - Xây dựng công trình thể thao ngoài trời.	4290
55.	Phá dỡ	4311
56.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
57.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
58.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
59.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
60.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
61.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
62.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
63.	Bán mô tô, xe máy	4541
64.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
65.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
66.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
67.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
68.	Bán buôn thực phẩm	4632

69.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Đồ uống có cồn: Rượu, bia, nước giải khát; đồ uống không có cồn.	4633
70.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
71.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
72.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Máy móc thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi). - Máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng. - Máy móc thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). - Máy móc thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày. - Máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác.	4649
73.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
74.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
75.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
76.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
77.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
78.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
79.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
81.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Các hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng: Lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế xây dựng, thẩm tra, kiểm định, thí nghiệm, quản lý dự án, giám sát thi công và công việc tư vấn khác có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng.	7110
82.	Quảng cáo	7310
83.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
84.	Cho thuê xe có động cơ	7710
85.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
86.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
87.	Đại lý du lịch	7911
88.	Điều hành tua du lịch	7912
89.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THỊ LAN	Số 11, ngách 2, ngõ 6, đường Chiến Thắng, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	1,000	035149000243	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Tổng số	5.000	50.000.000	1,000		
2	PHẠM QUANG VIỆT	Số 33b, đường Hoàng Hoa Thám, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	1,000	162694077	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Tổng số	5.000	50.000.000	1,000		
3	PHẠM MỸ TRANG	Số nhà 180, tổ 20, Phường Phương Lâm, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	490.000	4.900.000.000	98,000	113205102	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Tổng số	490.000	4.900.000.000	98,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM MỸ TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 15/09/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 113205102

Ngày cấp: 25/03/2002

Nơi cấp: Công an Hòa Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 180, tổ 20, Phường Phương Lâm, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 180, tổ 20, Phường Phương Lâm, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Hòa Bình